

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn Đề án Thí điểm thuê chuyên gia y tế trong nước để nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong khám chữa bệnh cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2015-2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP 06/6/ 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 08/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Đề án Thí điểm thuê chuyên gia y tế trong nước để nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong khám chữa bệnh cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2015-2017; Báo cáo thẩm tra số 150/BC-VHXXH ngày 12/12/2014 của Ban Văn hóa-Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án Thí điểm thuê chuyên gia y tế trong nước để nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong khám chữa bệnh cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2015-2017 theo nội dung Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 08/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Tiêu chuẩn chuyên gia:

a) Tiêu chuẩn chuyên gia trong lĩnh vực khám chữa bệnh:

- Có học hàm, học vị là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ về y học hoặc Bác sĩ có trình độ chuyên môn sau đại học chuyên ngành y, có uy tín trong ngành;

- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Đã hoặc đang công tác tại bệnh viện hạng đặc biệt, hạng I, hạng II thuộc Bộ Y tế hoặc thuộc các Bộ, Ngành khác được Bộ Y tế giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

- Trường hợp làm việc theo ê-kíp thì có ít nhất 01 người có tiêu chuẩn chuyên gia như trên.

* Trường hợp đặc biệt đối với một số cán bộ y tế chưa đạt đủ các tiêu chuẩn chuyên gia như trên, nhưng xét thấy thật cần thiết cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì do Hội đồng xét duyệt thuê chuyên gia quyết định.

b) Tiêu chuẩn chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, điều hành:

- Có học hàm là Giáo sư, Phó Giáo sư; trình độ tốt nghiệp Đại học (trong nước hoặc ở nước ngoài) trở lên;

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Đã hoặc đang làm công tác quản lý, điều hành hoặc tư vấn về công tác quản lý, điều hành tại bệnh viện thuộc Bộ Y tế hoặc bệnh viện thuộc các Bộ, Ngành khác và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

- Có lý luận chuyên sâu, kỹ năng thực tiễn, kinh nghiệm thực hành về công tác quản lý, điều hành hoặc về một lĩnh vực cụ thể của công tác quản lý, điều hành tại bệnh viện thuộc Bộ Y tế hoặc bệnh viện thuộc các Bộ, Ngành khác và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

* Trường hợp đặc biệt đối với một số cán bộ chưa đạt đủ các tiêu chuẩn chuyên gia như trên, nhưng xét thấy thật cần thiết cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì do Hội đồng xét duyệt thuê chuyên gia quyết định.

2. Phạm vi được thuê chuyên gia:

- Đơn vị: Các bệnh viện hạng 1, hạng 2 của tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Chủ yếu sử dụng từ nguồn thu của đơn vị;

- Nguồn ngân sách nhà nước sẽ bổ sung khi nguồn thu của đơn vị không đáp ứng đủ.

4. Thời gian thực hiện: Từ 01/01/2015 đến 31/12/2017.

(kèm theo phụ lục)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa V, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18/12/2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận :

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, ĐB.HĐND tỉnh;
- Sở Y tế, Sở Tài chính;
- TTr.HĐND và UBND các huyện, TP;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, CT.HĐND/18/12/2014/80b/N1.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục

Thí điểm thuê chuyên gia y tế trong nước để nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong khám chữa bệnh cho ngành y tế

tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2015-2017

(Kèm theo Nghị quyết số 47/2014/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

1. Tiêu chuẩn chuyên gia:

a). Tiêu chuẩn chuyên gia trong lĩnh vực khám chữa bệnh:

- Chuyên gia trong lĩnh vực khám chữa bệnh là những người có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có học hàm, học vị là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ về y học hoặc Bác sĩ có trình độ chuyên môn sau đại học chuyên ngành y, có uy tín trong ngành;

+ Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành;

+ Đã hoặc đang công tác tại bệnh viện hạng đặc biệt, hạng I, hạng II thuộc Bộ Y tế hoặc thuộc các Bộ, Ngành khác được Bộ Y tế giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

- Trường hợp làm việc theo ê-kíp thì có ít nhất 01 người có tiêu chuẩn chuyên gia như trên.

- Trường hợp đặc biệt đối với một số cán bộ y tế chưa đạt đủ các tiêu chuẩn chuyên gia như trên, nhưng xét thấy thật cần thiết cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì do Hội đồng xét duyệt thuê chuyên gia quyết định.

b). Tiêu chuẩn chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, điều hành:

- Chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, điều hành liên quan công tác khám chữa bệnh là những người có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có học hàm là Giáo sư, Phó Giáo sư; Trình độ tốt nghiệp Đại học (trong nước hoặc ở nước ngoài) trở lên;

+ Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành;

+ Đã hoặc đang làm công tác quản lý, điều hành hoặc tư vấn về công tác quản lý, điều hành tại bệnh viện thuộc Bộ Y tế hoặc bệnh viện thuộc các Bộ, Ngành khác và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

+ Có lý luận chuyên sâu, kỹ năng thực tiễn, kinh nghiệm thực hành về công tác quản lý, điều hành hoặc về một lĩnh vực cụ thể của công tác quản lý, điều hành tại

bệnh viện thuộc Bộ Y tế hoặc bệnh viện thuộc các Bộ, Ngành khác và một số bệnh viện khác có uy tín trong nước (không phân biệt bệnh viện công lập hay bệnh viện tư nhân).

- Trường hợp đặc biệt đối với một số cán bộ chưa đạt đủ các tiêu chuẩn chuyên gia như trên, nhưng xét thấy thật cần thiết cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì do Hội đồng xét duyệt thuê chuyên gia quyết định.

2. Phạm vi được thuê chuyên gia:

- Đơn vị: Các bệnh viện hạng 1, hạng 2 của tỉnh.

- Lĩnh vực:

+ Lĩnh vực quản lý, điều hành : Tập trung một số lĩnh vực để thuê chuyên gia gồm: công tác điều hành của lãnh đạo bệnh viện; thư ký y khoa, quản lý và chăm sóc bệnh nhân, gia đình bệnh nhân; quản trị tài chính- kế toán; quản lý hệ thống điều khiển trung tâm; quản lý hệ thống tin học và trang chủ; quản lý nhân sự; quản lý hành chính; quản lý thiết bị và một số lĩnh vực khác theo bảng kê sau:

Danh mục thuê chuyên gia lĩnh vực quản lý, điều hành

Stt	Lĩnh vực quản lý, điều hành cần thuê chuyên gia
1	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý hành chính
2	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý nhân sự
3	Gói dịch vụ tư vấn về kế hoạch (hoạch định chiến lược, nghiên cứu và phát triển – R&D)
4	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý bồi dưỡng – đào tạo
5	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý khoa lâm sàng
6	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý khoa cận lâm sàng
7	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý thiết bị
8	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý cơ sở hạ tầng
9	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý hệ thống điều khiển trung tâm (MDF – Main Distribution Frame)
10	Gói dịch vụ tư vấn về quản trị tài chính – kế toán
11	Gói dịch vụ tư vấn về An toàn – An Ninh
12	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý các dịch vụ thuê ngoài: giữ xe, nhà ăn – giải khát, vệ sinh, tạp vụ,...
13	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý kế hoạch nhiệm vụ năm
14	Gói dịch vụ tư vấn về thống kê và phân tích dữ liệu
15	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý và chăm sóc bệnh nhân, gia đình bệnh nhân
16	Gói dịch vụ tư vấn về quản lý hệ thống tin học và trang chủ (website)
17	Gói dịch vụ tư vấn về công tác điều hành của lãnh đạo bệnh viện
18	Gói dịch vụ tư vấn về thực thi chế độ báo cáo
19	Gói dịch vụ tư vấn về thực thi chế độ hội họp
20	Gói dịch vụ tư vấn về thanh kiểm tra nội bộ

21	Gói dịch vụ tư vấn về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
22	Gói dịch vụ tư vấn về thực hiện chỉ đạo tuyến
23	Gói dịch vụ tư vấn về thực hành tiết kiệm: nguyên nhiên liệu, vật liệu, năng lượng.

+ Lĩnh vực chuyên môn: Tập trung một số lĩnh vực để thuê chuyên gia gồm Hồi sức - Tích cực - Chống độc; Nội Tim mạch; Ngoại Thần kinh; Ngoại Chính hình; Phẫu thuật nội soi; Phụ sản; Nhi khoa-sơ sinh; Ung thư; Chẩn đoán hình ảnh - Thẩm dò chức năng và một số chuyên khoa khác theo bảng kê sau:

Danh mục thuê chuyên gia lĩnh vực chuyên môn

TT		Lĩnh vực/kỹ thuật chuyên môn cần thuê chuyên gia	Ghi chú
NĂM 2015			
I.		Bệnh viện Bà Rịa:	
1	1	Thở máy/ bệnh nhi và hồi sức nhi	
2	2	Hồi sức sơ sinh tại phòng sanh	
3	3	Thở máy sơ sinh và chăm sóc bệnh sơ sinh thở máy	
4	4	Hồi sức sốc ở trẻ sơ sinh	
5	5	Nuôi dưỡng tĩnh mạch toàn phần ở trẻ sơ sinh cân nặng $\leq 1500g$.	
6	6	Phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	
7	7	Phẫu thuật giải chèn ép thần kinh thị giác do vỡ ống thị giác	
8	8	Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị tuỷ-màng tuỷ, bằng đường vào phía sau	
9	9	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tuỷ kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau	
10	10	Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép xương hoặc lồng titan	
11	11	Phẫu thuật dẫn lưu dịch não tuỷ thất lưng-ổ bụng	
12	12	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-ổ bụng	
13	13	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ	
14	14	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não tăng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	
15	15	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ qua xoang trán	
16	16	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tăng giữa nền sọ qua mở nắp sọ	
17	17	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tăng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá	
18	18	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ sau mổ các thương tổn nền sọ	
19	19	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần trước đa giác Willis	
20	20	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần sau đa giác Willis	

21	21	Phẫu thuật dị dạng động-tĩnh mạch não	
22	22	Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não	
23	23	Phẫu thuật u máu thể hang tiểu não	
24	24	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên	
25	25	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên	
26	26	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng đường mở nắp sọ trán và đường qua xoang sàng	
27	27	Phẫu thuật u vùng tầng giữa nền sọ bằng mở nắp sọ	
28	28	Phẫu thuật u 1/3 trong cánh nhỏ xương bướm bằng đường mở nắp sọ	
29	29	Phẫu thuật u đỉnh xương đá bằng đường qua xương đá	
30	30	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
31	31	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não, xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
32	32	Phẫu thuật u đại não bằng đường mở nắp sọ	
33	33	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	
34	34	Phẫu thuật dị dạng mạch máu ngoài sọ	
35	35	Phẫu thuật cố định C ₁ -C ₂ điều trị mất vững C ₁ -C ₂	
36	36	Phẫu thuật cố định chẩm cổ, ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chân cung, gãy mỏm nha, vỡ C ₁ ...)	
37	37	Phẫu thuật vít trực tiếp mỏm nha trong điều trị gãy mỏm nha	
38	38	Cắt một phần bản sừng trong hẹp ống sống cổ	
39	39	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống cổ	
40	40	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	
41	41	Phẫu thuật trượt bản lề cổ chẩm	
42	42	Phẫu thuật bệnh lý vôi hóa dây chằng dọc sau cột sống cổ	
43	43	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	
44	44	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lõi bên	
45	45	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng vít lỗ xương	
46	46	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau (PLIF)	
47	47	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	
48	48	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	
49	49	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	
50	50	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống	
51	51	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan	
52	52	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	
53	53	Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm ít xâm lấn sử dụng hệ thống ống nông	
54	54	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da	
55	55	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da	

56	56	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	
57	57	Phẫu thuật nang màng nhện tủy	
58	58	Phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri	
59	59	Phẫu thuật nang Tarlov	
60	60	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối	
61	61	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	
62	62	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	
63	63	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	
64	64	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	
65	65	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	
66	66	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	
67	67	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	
68	68	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	
69	69	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	
70	70	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	
71	71	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó	
72	72	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè	
73	73	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	
74	74	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 1 bó	
75	75	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 2 bó	
76	76	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 1 bó	
77	77	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 2 bó	
78	78	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại	
79	79	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp gối bằng gân đồng loại (nội soi tái tạo dây chằng chéo trước, chéo sau, mổ mở tái tạo dây chằng bên chày, bên mác)	
80	80	Phẫu thuật nội soi điều trị vỡ xương bánh chè	
81	81	Phẫu thuật nội soi gỡ dính khớp gối	
82	82	Đặt ống thông khí màng nhĩ	
83	83	Phẫu thuật nội soi xoang bướm	
84	84	Phẫu thuật nội soi xoang trán	
85	85	Phẫu thuật điều trị đa thương vùng hàm mặt	(*)
86	86	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chì thép nẹp vít	(*)
87	87	Phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	(*)
88	88	Phẫu thuật tạo đường dẫn trong miệng điều trị dò tuyến nước bọt mang tai	(*)

89	89	Nội soi cầm máu xuất huyết tiêu hóa trên bằng clip	
90	90	Cắt polyp đại - trực tràng nội soi	
91	91	Sử dụng thuốc tiêu sợi huyết/TBMMN	
92	92	Cắt hạch giao cảm ngực nội soi	
93	93	CDHA nhi khoa: siêu âm, XQ, CT, MRI	
94	94	SA mạch máu tạng ngoại biên	
95	95	SA tầm soát tiền sản	
II.		Bệnh viện Lê Lợi:	
96	96	Thở máy (trong nhi khoa)	
97	97	Đặt ống thông tĩnh mạch trung ương (dưới đòn, cánh tay, TM nền) (trong nhi khoa)	
98	98	Sử dụng các thuốc vận mạch và tăng sức co bóp cơ tim (trong nhi khoa)	
99	99	Kỹ thuật lọc máu liên tục	
100	100	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối và Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	
101	101	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận, sỏi niệu quản tái phát	
102	102	Hướng dẫn chụp và đọc CT Bụng, mạch vành tim, mạch máu chi	
103	103	Sinh thiết kim nhỏ dưới siêu âm	
104	104	Hướng dẫn chụp và đọc MRI bụng, chậu, tuyến vú, mạch máu chi	
III.		Bệnh viện Mắt:	
105	105	Hướng dẫn đọc kết quả và ứng dụng theo dõi điều trị bằng thị trường kế tự động Humphrey:	
106	106	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị lé và bệnh lý nhãn nhi	
107	107	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)	
108	108	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	
109	109	Chuyển giao kỹ thuật Phẫu thuật lé, sụp mi trẻ em (gây mê) (Phẫu thuật lác thông thường, Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi	
110	110	Chuyển giao kỹ thuật điều trị Laser bề mặt nhãn cầu	
111	111	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	
112	112	Hướng dẫn chụp mạch huỳnh quang đáy mắt	
NĂM 2016			
I.		Bệnh viện Bà Rịa:	
113	1	Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	
114	2	Bơm surfactan điều trị bệnh màng trong	
115	3	Nuôi dưỡng tĩnh mạch toàn phần ở trẻ sơ sinh cân nặng < 1300g.	
116	4	Cắt u máu tuỷ sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ	
117	5	Phẫu thuật u vùng giao thoa thị giác và/hoặc vùng dưới đồi bằng đường mở nắp sọ	

118	6	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
119	7	Phẫu thuật u hố sau xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
120	8	Phẫu thuật u liềm não, bằng đường mở nắp sọ	
121	9	Phẫu thuật u lều tiểu não, bằng đường vào dưới lều tiểu não	
122	10	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	
123	11	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh tam thoa (dây V) trong đau nửa mặt, bằng đường mở nắp sọ	
124	12	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh mặt (dây VII) trong co giật nửa mặt (facial tics), bằng đường mở nắp sọ	
125	13	Phẫu thuật phong bế hạch thần kinh tam thoa (hạch Gasser) bằng nhiệt, qua da, dưới hướng dẫn huỳnh quang	
126	14	Phẫu thuật cố định C ₁ -C ₂ điều trị mất vững C ₁ -C ₂	
127	15	Phẫu thuật cố định chẩm cổ, ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chân cung, gãy mõm nha, vỡ C ₁ ...)	
128	16	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng	
129	17	Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu	
130	18	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da	
131	19	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da	
132	20	Phẫu thuật nội soi tràn khí tự phát, tiên phát	
133	21	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị	
134	22	Phẫu thuật nội soi cắt u lành thanh quản bằng Heummer	
135	23	Phẫu thuật giám áp dây VII	
136	24	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung, bóc nhân xơ. Nội soi buồng tử cung	
137	25	Cắt u vú lành tính + bóc nhân xơ vú	
138	26	Ung thư vú	
139	27	Ung thư tuyến giáp	
140	28	Ung thư gan	
141	29	Ung thư đại – trực tràng	
142	30	Ung thư dạ dày	
143	31	Giải phẫu bệnh	
144	32	Nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP)	
145	33	MRI phổ, khuếch tán sọ não	
146	34	CT khảo sát tim, mạch máu	
II.		Bệnh viện Lê Lợi:	
147	35	Gây mê về nhi khoa	
148	36	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chì thép	
149	37	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	
150	38	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	
151	39	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	
152	40	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần + bóc u xơ tử cung	

153	41	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận, sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	
III.		Bệnh viện Mắt:	
154	42	Chuyển giao kỹ thuật Phẫu thuật cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	
155	43	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển. Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	
156	44	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn	
157	45	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh lý võng mạc dịch kính	
NĂM 2017			
I.		Bệnh viện Bà Rịa:	
158	1	Nuôi dưỡng tĩnh mạch toàn phần ở trẻ sơ sinh cân nặng $\geq 1000g$.	
159	2	Làm dính màng phổi – phổi trong tràn khí MP tự phát – thứ phát	
160	3	Cắt u máu tuỷ sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ	
161	4	Phẫu thuật u vùng giao thoa thị giác và/hoặc vùng dưới đồi bằng đường mở nắp sọ	
162	5	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
163	6	Phẫu thuật u hố sau xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	
164	7	Phẫu thuật u lều tiểu não, bằng đường vào dưới lều tiểu não	
165	8	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh tam thoa (dây V) trong đau nửa mặt, bằng đường mở nắp sọ	
166	9	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh mặt (dây VII) trong co giật nửa mặt (facial tics), bằng đường mở nắp sọ	
167	10	Phẫu thuật phong bế hạch thần kinh tam thoa (hạch Gasser) bằng nhiệt, qua da, dưới hướng dẫn huỳnh quang	
168	11	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (Nội soi ổ bụng + soi buồng tử cung)	
169	12	Ung thư thực quản	
170	13	Ung thư phổi	
172	15	MRI tim	
II.		Bệnh viện Lê Lợi:	
173	16	Nội soi dạ dày, tá tràng, đại tràng có can thiệp (Polip)	
174	17	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị rối loạn nhịp chậm	
175	18	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT)	
176	19	Mô nội soi khớp háng	
III.		Bệnh viện Mắt:	
177	20	Chuyển giao kỹ thuật Phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	
178	21	Chuyển giao kỹ thuật Phẫu thuật ghép vành củng mạc	

Ghi chú: các kỹ thuật có đánh dấu (*) ở cột ghi chú, nếu không thực hiện được trong năm 2015 (do không có trường hợp bệnh) thì chuyển sang những năm sau.

* Trong quá trình thực hiện đề án, theo yêu cầu mới của Bộ Y tế hoặc của ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có thể bổ sung thêm một số lĩnh vực về quản lý, điều hành hoặc chuyên môn.

3. Thời gian thuê chuyên gia:

Thời gian thuê các chuyên gia tùy thuộc vào yêu cầu chuyên môn của từng loại kỹ thuật cần chuyển giao. Thời gian thuê có thể tính theo ngày, theo từng trường hợp bệnh, theo ê-kíp hoặc thuê khoán trọn gói theo chuyên đề.

4. Hình thức thuê chuyên gia:

Hình thức thuê tùy thuộc từng loại kỹ thuật chuyên môn cần chuyển giao, hình thức thuê có thể theo từng trường hợp bệnh (đối với các kỹ thuật chuyên môn ít gặp), theo ngày, theo ê-kíp hoặc thuê khoán trọn gói theo chuyên đề.

Tùy từng hình thức thuê mà lựa chọn loại hợp đồng thuê cho phù hợp: Hợp đồng lao động theo Luật Lao động hoặc hợp đồng kinh tế.

5. Chế độ thù lao đối với chuyên gia:

Chế độ thù lao cho các chuyên gia được thực hiện chi trọn gói, đã bao gồm cả các khoản đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các loại thuế theo quy định.

a). Đối với chuyên gia trong lĩnh vực khám chữa bệnh:

- Trường hợp thuê làm việc riêng lẻ thuê theo từng trường hợp bệnh:

+ Đối với chuyên gia trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Chuyên khoa II: Bình quân mức thù lao một trường hợp bệnh không quá 5,0 lần mức lương cơ sở;

+ Đối với chuyên gia trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I: Bình quân mức thù lao một trường hợp bệnh không quá 3,0 lần mức lương cơ sở;

- Trường hợp thuê làm việc riêng lẻ thuê theo ngày :

+ Đối với chuyên gia trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Chuyên khoa II: Bình quân mức thù lao một ngày không quá 5,0 lần mức lương cơ sở;

Tuy nhiên, chuyên gia làm việc liên tục trên 15 ngày thì mức thù lao tổng cộng = 75% x số ngày làm việc x 5,0 lần mức lương cơ sở;

+ Đối với chuyên gia trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I: Bình quân mức thù lao một ngày không quá 3,0 lần mức lương cơ sở;

Tuy nhiên, chuyên gia làm việc liên tục trên 15 ngày thì mức thù lao tổng cộng = 75% x số ngày làm việc x 3,0 lần mức lương cơ sở;

- Trường hợp các chuyên gia làm việc theo ê-kíp:

+ Đối với chuyên gia trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Chuyên khoa II: Bình quân mức thù lao một ngày không quá 5,0 lần mức lương cơ sở;

+ Đối với chuyên gia trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I: Bình quân mức thù lao một ngày không quá 3,0 lần mức lương cơ sở;

+ Đối với những người có trình độ thấp hơn trình độ chuyên gia (tốt nghiệp đại học trở xuống), tham gia ê-kíp: Bình quân mức thù lao một ngày không quá 1,5 lần mức lương cơ sở;

Căn cứ số lượng và trình độ người trong ê-kíp, tổng số tiền thù lao cho ê-kíp chuyên gia = tổng số tiền thuê của từng người theo trình độ trong ê-kíp này/ngày. Tuy nhiên, tổng số tiền thù lao cho toàn bộ ê-kíp chuyên gia này không quá 20.000.000 đồng/ngày.

b). Đối với chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, điều hành:

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, Hội đồng xét chọn thuê chuyên gia của tỉnh tham mưu UBND tỉnh mức thù lao chuyên gia cho từng trường hợp cụ thể.

c). Ngoài chế độ thù lao trên, chuyên gia còn được hỗ trợ thêm chi phí ăn ở, đi lại theo quy định hiện hành.

6. Dự kiến kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện trong 3 năm khoảng 12.849.404.500 đồng (*Mười hai tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng*); trong đó:

- Kinh phí thù lao cho các chuyên gia: 10.133.812.500 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ ăn, ở, đi lại: 2.715.592.000 đồng.

7. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Chủ yếu sử dụng từ nguồn thu của đơn vị.

- Nguồn ngân sách nhà nước sẽ bổ sung khi nguồn thu của đơn vị không đáp ứng đủ.

8. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017.

